



Phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh lớp 4 và 5 qua hoạt động nói và nghe trong môn Tiếng Việt

Lê Trung Vĩ

*Trường Tiểu học Lê Kim Lăng, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng;
Học viên Cao học chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) K32 Trường Đại học Sư phạm,
Đại học Huế*

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 21/10/2025

Ngày nhận bản chính sửa: 24/12/2025

Ngày nhận đăng: 28/12/2025

Ngày xuất bản: 20/8/2026

Từ khóa:

Năng lực giao tiếp đa phương thức;

Nói và nghe;

Môn Tiếng Việt;

Học sinh lớp 4 và 5;

Phát triển năng lực.

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu việc phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh lớp 4 và lớp 5 thông qua hoạt động nói và nghe trong môn Tiếng Việt, trên cơ sở định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Dựa trên khung lý luận về năng lực giao tiếp và giao tiếp đa phương thức, bài viết làm rõ vai trò của nói và nghe như những hoạt động trung tâm trong việc tích hợp các phương thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ. Thông qua phân tích yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học nói và nghe trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4 và 5 (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), nghiên cứu cho thấy tiềm năng lớn trong việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số biện pháp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả dạy học nói và nghe theo định hướng phát triển năng lực, góp phần cải thiện chất lượng dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b) tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo của môn học trong việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp (NLGT) cho học sinh (HS). Với định hướng lấy các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe làm trục xuyên suốt, chương trình chú trọng dạy học (DH) tiếp nhận và tạo lập lời nói thông qua đa dạng kiểu và thể loại văn bản. Đặc biệt, bên cạnh các ngữ liệu truyền thống, chương trình và sách giáo khoa (SGK) tăng cường sử dụng văn bản đa phương thức – loại văn bản kết hợp ngôn ngữ với các phương tiện như hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ và âm thanh – qua đó xác lập rõ định hướng phát triển giao tiếp đa phương thức cho HS ở cả ba cấp học. Định hướng này phù hợp với xu thế DH ngôn ngữ hiện đại trên thế giới.

Giao tiếp đa phương thức được hiểu là hình thức giao tiếp sử dụng đồng thời nhiều phương thức và kênh truyền đạt khác nhau nhằm truyền tải thông tin và tương tác hiệu quả. Chương trình Ngữ văn 2018 xác định giao tiếp đa phương thức không chỉ dựa trên ngôn ngữ mà còn bao gồm các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu, ... và nhấn mạnh vai trò của các phương tiện này trong việc kiến tạo nghĩa (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b). Theo đó, việc phát triển NLGT đa phương thức được tích hợp trong tất cả các hoạt động đọc, viết, nói và nghe ở môn Tiếng Việt cấp tiểu học, trong đó nói và nghe được xem là hoạt động có ưu thế rõ nét trong việc hình thành và phát triển năng lực này thông qua việc sử dụng kết hợp lời nói với các phương tiện trực quan và công nghệ hỗ trợ. Đối với HS lớp 4, đây là giai đoạn thuận lợi để phát triển giao tiếp đa phương thức do sự phát triển mạnh mẽ của tư duy hình ảnh và nhu cầu thể hiện bản thân, qua đó góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ, diễn ngôn và khả năng tạo lập văn bản trong bối cảnh giáo dục (GD) hiện đại. Trên cơ sở đó, bài viết này đề xuất các biện pháp phát triển NLGT đa phương

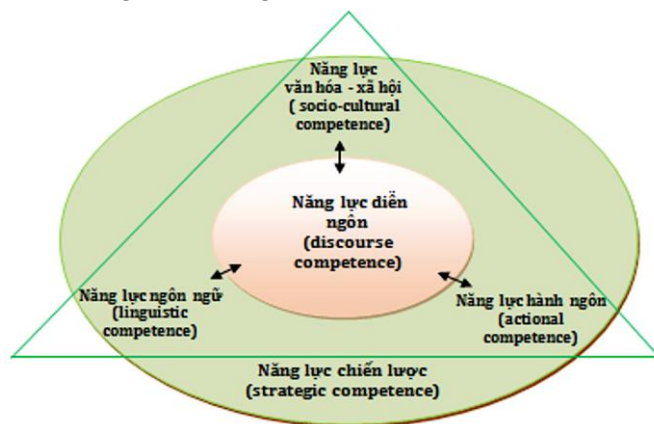
thức cho HS lớp 4 và lớp 5 qua hoạt động nói và nghe trong môn Tiếng Việt mở ra một hướng tiếp cận thực tiễn nhằm cải thiện chất lượng DH môn Ngữ văn nói chung.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Năng lực giao tiếp đa phương thức

* *Giao tiếp đa phương thức*: Trong bối cảnh của GD hiện đại, khái niệm “năng lực giao tiếp” (NLGT) đã vượt ra khỏi phạm vi truyền thống là kỹ năng đọc, viết, nói, nghe dựa trên hiểu biết về ngôn ngữ. Từ những nghiên cứu của Canale và Swain (1980), Celce-Murcia và cộng sự (1995), có thể nhận diện cấu trúc phức hợp gồm nhiều thành tố cấu thành nên NLGT. Với Celce-Murcia và cộng sự (1995), mô hình NLGT đã được phác thảo một cách đầy đủ với năm thành tố: năng lực ngôn ngữ, năng lực chiến lược, năng lực văn hóa xã hội, năng lực thực hiện/hành vi, năng lực diễn ngôn.



Hình 1. Mô hình NLGT của Celce-Murcia và cộng sự (1995).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi dựa trên mô hình NLGT của Celce-Murcia và cộng sự (1995) để phân tích các thành tố năng lực tác động tích cực đến rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe của HS. Theo đó, người học cần được hình thành những hiểu biết sơ giản, cần thiết về ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản,... (năng lực ngôn ngữ) và phương tiện giao tiếp, gồm hành vi phi ngôn ngữ kèm lời và các phương tiện trực quan giúp gia tăng hiệu quả lời nói (năng lực hành ngôn) để đảm bảo thực hành giao tiếp tốt (năng lực diễn ngôn). HS cũng cần được trang bị những tri thức ban đầu về phong nền văn hóa, ngữ cảnh/bối cảnh xã hội với các mối quan hệ xung quanh (năng lực văn hóa xã hội); đồng thời có sự chủ động lựa chọn cách thức nói, viết hiệu quả (năng lực chiến lược). Theo đánh giá của chúng tôi, mô hình NLGT của Celce-Murcia và cộng sự (1995) cũng là một trong những công bố khoa học đề cập đến sự đa dạng của các phương thức, phương tiện giao tiếp (hay chính là giao tiếp đa phương tiện/đa phương thức).

* *NLGT đa phương thức*: NLGT đa phương thức được hiểu là khả năng hiểu, phân tích, đánh giá, sáng tạo và tương tác hiệu quả với các văn bản và thông điệp sử dụng kết hợp nhiều phương thức biểu đạt khác nhau, nhằm mục đích giao tiếp trong các ngữ cảnh xã hội cụ thể. Nếu giao tiếp đa phương thức được định nghĩa là “hình thức giao tiếp sử dụng nhiều phương tiện khác nhau, không chỉ phương tiện ngôn ngữ mà cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ” thì NLGT đa phương thức có thể hiểu là khả năng diễn giải và xây dựng ý nghĩa bằng cách sử dụng nhiều nguồn ký hiệu học (bao gồm: ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ,...) và không gian, vượt ra ngoài phạm vi văn bản đơn thuần. NLGT đa phương thức là một trong những năng lực thiết yếu trong bối cảnh chuyển đổi số, khi mà kênh chữ có sự tương tác thường xuyên với kênh hình, với các sơ đồ, số liệu biểu đạt đa dạng.

Ở cấp độ tiểu học, đặc biệt với HS lớp 4 và 5, NLGT đa phương thức được hình thành trên cả hai bình diện: tiếp nhận và tạo lập ngôn bản. Nói cách khác, bên cạnh việc thực hành đọc hiểu các văn bản đa phương thức, CT GD phổ thông môn Ngữ văn 2018 còn hướng tới hình thành ở người học khả năng sử dụng kết hợp một cách có ý thức các phương thức khác nhau như lời nói, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ, bảng biểu, số liệu thống kê,... để biểu đạt ý nghĩ, cảm xúc và ý tưởng của bản thân một cách rõ ràng, phong phú và thuyết phục, nhất là trong các hoạt động nói và nghe.

* *Tầm quan trọng của phát triển NLGT đa phương thức cho HS lớp 4 và 5*

Việc chú trọng phát triển NLGT đa phương thức trong DH nói và nghe cho HS các lớp cuối cấp tiểu học là một yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quá trình thực hành ngôn ngữ của người học trong nhà trường. Điều này dựa trên những cơ sở khoa học quan trọng, đồng thời xác nhận vị trí của giao

tiếp đa phương thức trong bối cảnh đổi mới CT, SGK.

Trong DH nói và nghe, phát triển NLGT đa phương thức luôn đòi hỏi người học phải tương tác với các nhiệm vụ học tập một cách thường xuyên, đồng thời kết nối cùng các thành viên trong nhóm, lớp để hoàn thành sản phẩm. Bên cạnh đó, việc chia sẻ - tiếp nhận kiểu văn bản mang những đặc trưng riêng này cũng cần đến sự tương tác thường xuyên giữa người nói và người nghe/nhìn, giữa cách trao đổi thông tin qua kênh chữ, lời nói, hình ảnh, bảng biểu, số liệu,... với thu nhận các phản hồi từ các câu hỏi, lời nhận xét, đánh giá hay những biểu cảm bằng hành vi phi ngôn ngữ.

2.1.2. Hoạt động nói và nghe từ điểm nhìn phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức

Trong bối cảnh của giao tiếp đa phương thức, vị trí của DH nói và nghe càng trở nên đặc biệt quan trọng. Chúng không còn là sự trao đổi thuần túy ngôn từ, mà trở thành “trung tâm điều phối” và “hệ sinh thái tích hợp” các phương thức biểu đạt. Một bài nói hiệu quả là sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ (lời nói), âm thanh (ngữ điệu, âm lượng), hình ảnh (cử chỉ, nét mặt, các phương tiện trực quan,...) và không gian (khoảng cách, vị trí). Tương tự, nghe trong thời đại này không chỉ là nghe bằng tai mà là quá trình tiếp nhận, giải mã và đánh giá đồng thời các tín hiệu từ nhiều kênh khác nhau để nắm bắt trọn vẹn thông điệp. Do đó, phát triển NLGT đa phương thức thông qua DH nói và nghe chính là nâng cấp và làm giàu cho hai kỹ năng gốc rễ này, biến chúng thành một năng lực tổng hợp, giúp người học ngày một tiến bộ hơn, tích cực hơn khi thực hành giao tiếp trong xã hội hiện đại.

Bảng 1. Các thành tố kỹ năng nói và nghe

Nói	Nghe	Nói nghe tương tác
Thành tố ngôn ngữ: Đây là lớp phương thức giữ vai trò nền tảng trong việc kiến tạo ý nghĩa của thông điệp. Việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng tiếp nhận, kết hợp với cấu trúc ngữ pháp chặt chẽ và sự liên kết, mạch lạc trong tổ chức ý tưởng, giúp tạo nên diễn đạt rõ ràng, thống nhất và dễ tiếp nhận.	Kỹ năng nghe là một quá trình giải mã tích cực, bao gồm các cấp độ: tiếp nhận, giải mã, diễn giải, đánh giá và phản hồi. Người nghe cần chú ý đến toàn bộ tín hiệu đa phương thức, hiểu và diễn giải thông điệp dựa trên ngôn ngữ, tín hiệu phi ngôn từ và bối cảnh giao tiếp, đồng thời vận dụng tư duy phê phán để đánh giá tính xác thực của thông tin và đưa ra phản hồi phù hợp.	Kỹ năng nói – nghe tương tác thể hiện qua khả năng duy trì và chuyển hướng chủ đề hợp lý, luân phiên lượt lời, đặt câu hỏi và phản hồi mang tính xây dựng. Những kỹ năng này không chỉ bảo đảm hiệu quả giao tiếp mà còn góp phần hình thành thái độ tôn trọng, hợp tác và xây dựng môi trường giao tiếp tích cực trong lớp học.
Thành tố âm thanh: Thành tố âm thanh góp phần tạo nên tính biểu cảm của lời nói thông qua ngữ điệu, tốc độ và âm lượng phù hợp với nội dung và ngữ cảnh giao tiếp. Phát âm rõ ràng, chuẩn xác cùng với việc ngắt giọng, ngừng nghỉ hợp lý giúp nhấn mạnh thông tin, tạo nhịp điệu và bảo đảm thông điệp được tiếp nhận đầy đủ.		
Thành tố phi ngôn từ: Các yếu tố như cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt và khoảng cách giao tiếp góp phần minh họa, nhấn mạnh hoặc bổ sung cho lời nói, qua đó giúp truyền tải cảm xúc, thái độ và ý nghĩa giao tiếp một cách trực quan và sinh động.		

Sự hài hòa giữa các thành tố nói, nghe, nói nghe tương tác trong DH nói và nghe chắc chắn tạo nên một chỉnh thể giao tiếp hoàn chỉnh, nơi mỗi phương thức đều tìm thấy vị trí và giá trị trong việc kiến tạo nên những thông điệp giàu sức thuyết phục. Hiểu rõ cấu trúc và vị trí của mỗi thành tố kỹ năng không chỉ giúp GV thiết kế các hoạt động DH hiệu quả mà còn tạo cơ sở cho việc đánh giá toàn diện NLGT của HS, trong đó bao gồm NLGT đa phương thức. Trong môi trường GD hiện đại, nơi giao tiếp đa phương thức đang trở thành kỹ năng không thể thiếu, việc chú trọng gia tăng hiệu quả nói và nghe, theo chúng tôi, là đặc biệt có ý nghĩa đối với HS các lớp cuối cấp tiểu học.

Trong DH phát triển NLGT đa phương thức, nói và nghe là vừa thuộc bình diện tiếp nhận (nghe) vừa thuộc bình diện tạo lập (nói). Một bài thuyết trình (nói) có hiệu quả hay không phụ thuộc vào việc người nói biết kết nối lời nói của mình với các phương thức khác một cách nhuần nhuyễn ra sao. Lời nói (phương thức ngôn ngữ) giải thích cho hình ảnh; ngữ điệu (phương thức âm thanh) nhấn mạnh cảm xúc; cử chỉ (phương thức cử chỉ) minh họa cho lời nói; và không gian trình bày (phương thức không gian) tạo ra sự chú ý. Tương tự, khi nghe, HS không chỉ nghe lời nói mà còn phải biết nghe bằng mắt, giải mã các tín hiệu hình ảnh và âm thanh đi kèm để nắm bắt trọn vẹn thông điệp, ý nghĩa ngôn bản. Phát triển NLGT đa phương thức thông qua nói và nghe chính là rèn luyện cho HS khả năng tích hợp, kết hợp hài hòa nói và nghe, đồng thời hoà kết các phương thức nêu trên một cách hiệu quả.

2.2. Yêu cầu, nội dung dạy học nói và nghe trong Chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4 và 5 (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

(1) Yêu cầu

Việc nghiên cứu và phát triển NLGT đa phương thức nêu trong CT GD phổ thông môn Ngữ văn 2018 nói chung, trong CT môn Tiếng Việt lớp 4 và 5 nói riêng khởi phát từ quan điểm “lấy việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của CT theo định hướng năng lực và bảo đảm tính chính thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp học, lớp học”; “các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được hình thành qua hoạt động DH tiếp nhận và tạo lập văn bản; phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe”. Trong DH nói và nghe cho HS lớp 4, 5, yêu cầu phát triển NLGT đa phương thức gắn với các tiêu chí cụ thể:

Lớp 4: i) Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp; ii) Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (ví dụ: tranh ảnh, sơ đồ,...); iii) Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận; iv) Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.

Lớp 5: i) Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe; ii) Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp; iii) Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt; iv) Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lý lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

(2) Nội dung DH nói và nghe môn Tiếng Việt lớp 4 và lớp 5

Bảng 2. Bảng thống kê nội dung DH nói và nghe trong SGK môn Tiếng Việt lớp 4 và 5 từ điểm nhìn phát triển NLGT đa phương thức

Lớp ~ Tuần	Chủ điểm ~ Bài học	Tên hoạt động nói, nghe	Loại hình nói, nghe	Phương thức giao tiếp chủ đạo	Khả năng phát triển NLGT đa phương thức
Lớp 4 Tuần 3	Những tấm gương sáng	Kể về một tấm gương sáng mà em biết	Nói kể chuyện, nghe – phản hồi	Ngôn ngữ nói, biểu cảm phi ngôn ngữ	Rèn luyện khả năng sử dụng ánh mắt, giọng điệu, cử chỉ khi kể chuyện; HS quan sát video mẫu, thảo luận nhóm.
Lớp 4 Tuần 6	Ước mơ của em	Nói về ước mơ của em	Nói biểu cảm, nghe tích cực	Ngôn ngữ nói kết hợp hình ảnh minh họa	Kích thích HS sử dụng tranh, sơ đồ tư duy, giọng điệu cảm xúc; rèn năng lực thể hiện bản thân bằng lời nói và hình ảnh.
Lớp 4 Tuần 9	Ngôi trường em yêu	Giới thiệu trường hoặc lớp học của em	Nói miêu tả – trình bày	Ngôn ngữ nói, hình ảnh, sơ đồ	Phát triển kỹ năng trình bày có minh họa bằng ảnh, video; kết hợp lời nói, cử chỉ và ánh mắt.
Lớp 4 Tuần 12	Giữ gìn môi trường sống	Trình bày ý kiến về một việc làm bảo vệ môi trường	Nói phản biện, nghe – đối thoại	Ngôn ngữ nói, phi ngôn ngữ, biểu tượng	HS học cách sử dụng giọng nói, cử chỉ, biểu cảm để thuyết phục; rèn năng lực phản hồi.
Lớp 5 Tuần 2	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Kể lại một chuyện đi hoặc lễ hội em tham gia	Nói kể chuyện, nghe – chia sẻ	Lời nói, hình ảnh, âm thanh	HS dùng ảnh, video tư liệu; kết hợp kể – trình chiếu – phản hồi; phát triển năng lực trình bày.
Lớp 5 Tuần 5	Những người anh hùng nhỏ tuổi	Kể lại câu chuyện về người anh hùng thiếu niên	Nói kể chuyện – biểu cảm	Giọng nói, nét mặt, điệu bộ	HS thể hiện cảm xúc, nhập vai nhân vật, luyện năng lực diễn đạt cảm xúc phi ngôn ngữ.
Lớp 5 Tuần 8	Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc	Giới thiệu một nét văn hóa quê em	Nói – nghe phản hồi	Hình ảnh, video, vật thật, lời nói	Phát triển năng lực trình bày đa phương tiện: thiết kế poster, sử dụng PowerPoint hoặc Padlet.
Lớp 5 Tuần 12	Biển đảo quê hương	Trình bày hiểu biết về Hoàng Sa – Trường Sa	Nói thuyết trình – cảm xúc	Lời nói, hình ảnh, âm nhạc, cử chỉ	Phát triển khả năng sử dụng giọng điệu truyền cảm, kết hợp hình ảnh và âm thanh để biểu đạt tình yêu Tổ quốc.

Trong SGK Tiếng Việt lớp 4 và 5 (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), hoạt động nói và nghe được tổ chức

thành một mạch nội dung xuyên suốt, chiếm vị trí trọng tâm trong việc hình thành và phát triển NLGT cho HS tiểu học. Mỗi chủ điểm học tập đều có ít nhất một bài hoặc một phần riêng dành cho nói, nghe, gắn liền với chủ đề đọc hiểu và viết, bảo đảm tính tích hợp, tính thực hành và mở rộng vốn sống cho HS.

Những thống kê, phân tích nêu trên bảng 2 về nội dung DH nói và nghe cho thấy tỷ lệ bài nói và nghe có yếu tố đa phương thức chiếm khoảng 70%, tập trung ở các dạng kể chuyện, thuyết trình, trình bày ý kiến về một vấn đề và chia sẻ cảm xúc. HS được rèn luyện đồng thời các kênh giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ: lời nói, hình ảnh, biểu cảm, âm thanh. Các bài học có tính thực hành và trải nghiệm cao, giúp HS phát triển kỹ năng mã hóa và giải mã thông điệp đa phương thức.

2.3. Biện pháp phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức trong dạy học nói và nghe cho học sinh lớp 4 và 5 trong môn Tiếng Việt

2.3.1. Nguyên tắc

Đảm bảo đặc trưng hoạt động rèn kỹ năng nói và nghe trong môn Tiếng Việt: Các biện pháp sư phạm cần khẳng định vai trò trung tâm của môn Tiếng Việt trong phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Giao tiếp đa phương thức không thay thế mà đóng vai trò hỗ trợ, bổ trợ cho việc rèn luyện kỹ năng nói và nghe.

Phù hợp với mục tiêu phát triển NLGT đa phương thức: Các biện pháp cần trực tiếp hướng tới hình thành và phát triển các thành tố cốt lõi của NLGT đa phương thức, được thiết kế phù hợp với đặc điểm nhận thức trực quan, cụ thể của HS tiểu học.

Đảm bảo sự tham gia chủ động, tích cực của HS lớp 4 và 5: Xuất phát từ đặc điểm tâm lý lứa tuổi, các biện pháp cần phát huy vai trò chủ thể của HS trong quá trình học tập, tạo cơ hội cho các em trải nghiệm, thể hiện ý tưởng và cá nhân hóa sản phẩm giao tiếp.

Đảm bảo tính linh hoạt, sáng tạo, gần gũi thực tiễn và hấp dẫn: Các biện pháp cần được thiết kế linh hoạt, gắn với trải nghiệm thực tiễn và khơi gợi hứng thú học tập của HS lớp 4 và 5. Việc tích hợp hài hòa lời nói với hình ảnh, hành vi kèm lời và các phương tiện hỗ trợ không chỉ tăng hiệu quả giao tiếp mà còn kích thích khả năng sáng tạo.

2.3.2. Biện pháp

Biện pháp 1: Xây dựng học liệu trực quan và đa phương tiện phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học

Mục đích: Hệ thống học liệu đa phương tiện mở rộng không gian học tập, cung cấp một ngân hàng ngữ liệu giao tiếp đa dạng, chân thực và giàu tính thực tiễn. SGK dù được biên soạn công phu đến đâu cũng có những giới hạn nhất định trong việc tái hiện sự sống động và tính đa chiều của các tình huống giao tiếp ngoài đời thực. Các học liệu như một đoạn phóng sự ngắn về môi trường, một clip phỏng vấn một nghệ nhân, hay một video ghi lại một cuộc tranh luận trên truyền hình sẽ đưa thế giới bên ngoài vào lớp học. Học liệu trực quan và đa phương tiện đóng vai trò là công cụ đắc lực để rèn luyện đồng thời hai kỹ năng giải mã và mã hóa thông tin đa phương thức – nền tảng của NLGT đa phương thức. Trong biện pháp này, giáo viên giữ vai trò chủ đạo và định hướng sư phạm trong việc xây dựng và khai thác kho học liệu đa phương tiện. Học sinh là người tiếp nhận trở thành chủ thể tích cực trong quá trình xây dựng và khai thác kho học liệu đa phương tiện. Học sinh chủ động sử dụng học liệu, biết quan sát, lắng nghe và phân tích thông tin từ nhiều kênh để thực hiện các nhiệm vụ nói và nghe.

Quy trình:

Bước 1. Phân tích cấu trúc nội dung chủ đề, xác định yêu cầu cần đạt

Phân tích cấu trúc nội dung chủ đề và xác định yêu cầu cần đạt là khâu mở đầu có tính quyết định trong toàn bộ quy trình xây dựng học liệu trực quan và đa phương tiện. Bước này giúp người thiết kế học liệu hiểu rõ bản chất, phạm vi và định hướng năng lực cần hình thành cho HS. Trong DH theo định hướng phát triển năng lực, việc tạo ra học liệu không chỉ dừng ở chức năng truyền đạt kiến thức mà phải hướng tới việc hình thành năng lực cho người học – ở đây là NLGT đa phương thức. Do đó, trước khi thiết kế hay lựa chọn bất cứ loại học liệu nào, GV cần có cái nhìn toàn diện về CT, nội dung và đặc điểm của hoạt động nói và nghe trong SGK môn Tiếng Việt.

Bước 2. Xây dựng kho học liệu trực quan và đa phương tiện

Kho học liệu số cung cấp cho GV nguồn tư liệu phong phú để minh họa, mô phỏng, hướng dẫn và đánh giá; đồng thời tạo môi trường học tập hấp dẫn, giúp HS không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn chủ động sáng tạo, phản hồi và biểu đạt thông qua nhiều phương tiện khác nhau (ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ, ký hiệu...). Các hoạt động cơ bản trong bước này để đảm bảo kiến tạo được kho học liệu số chất lượng:

- Sưu tầm, hiệu chỉnh và biên tập học liệu
- Biên tập, chỉnh sửa học liệu theo mục tiêu sử dụng

• Trong các trường hợp đặc biệt và cần thiết, thay vì sưu tầm, hiệu chỉnh và biên tập, GV thực hiện thiết kế, xây dựng học liệu mới

Bước 3. Sắp xếp, lưu trữ và quản lý học liệu trong phát triển NLGT đa phương thức

Trong quá trình phát triển NLGT đa phương thức cho HS lớp 4 và 5, việc sắp xếp và lưu trữ học liệu trực quan – đa phương tiện không đơn thuần là thao tác kỹ thuật, mà là hoạt động có tính sư phạm chiến lược, đảm bảo cho hệ thống học liệu được khai thác có mục tiêu, có tính liên kết và phục vụ trực tiếp cho hoạt động DH nói và nghe. Nếu bước 1 và bước 2 tập trung vào việc phân tích nội dung và xây dựng học liệu, thì bước 3 chính là khâu tổ chức hệ thống nhằm giúp GV và HS tiếp cận, sử dụng và tái tạo thông tin một cách hiệu quả, sáng tạo. Khi kho học liệu được sắp xếp khoa học, GV có thể dễ dàng lựa chọn video, hình ảnh, hoặc phiếu học tập phù hợp với từng hoạt động (khởi động, luyện tập, phản hồi, đánh giá). HS cũng có thể truy cập nhanh các học liệu phù hợp để luyện kỹ năng nghe, nói, quan sát, tương tác và phản hồi, từ đó hình thành dần NLGT đa phương thức.

Bước 4. Thử nghiệm học liệu

Trong quá trình xây dựng học liệu trực quan và đa phương tiện phục vụ cho DH nói và nghe, bước thử nghiệm và xin ý kiến chuyên gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm đảm bảo học liệu thực sự góp phần hình thành và phát triển NLGT đa phương thức.

Bước 5. Chạy thử, chỉnh sửa và hoàn thiện học liệu

Sau khi hoàn thành thì tiến hành chạy thử để kiểm tra mức độ hoàn chỉnh. Nếu cần chỉnh sửa thì căn chỉnh lại để hợp lý hơn, bổ sung thêm những phần còn thiếu và cuối cùng là hoàn thiện sản phẩm.

Để làm rõ quy trình, chúng tôi mô tả các bước trên một mẫu minh họa thiết kế cụ thể: Xây dựng học liệu trực quan và đa phương tiện trong bài “Ước mơ của em” (SGK Tiếng Việt lớp 4) (Bùi et al., 2023).

Bước 1. Phân tích cấu trúc nội dung, xác định yêu cầu cần đạt làm cơ sở để xác định loại học liệu

Kết quả thể hiện ở bảng sau:

Mạch nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học liệu sử dụng
Nói và nghe: Ước mơ của em	- Trình bày được ước mơ của bản thân một cách rõ ràng, tự tin, có cảm xúc. - Biết lắng nghe và phản hồi phù hợp khi bạn chia sẻ ước mơ. - Biết sử dụng giọng nói, ánh mắt, nét mặt, điệu bộ phù hợp để thể hiện cảm xúc. - Liên hệ ước mơ với hành động học tập, rèn luyện cụ thể.	- Video minh họa “Em kể về ước mơ trở thành bác sĩ” (3.0 phút). - Bộ ảnh minh họa ước mơ (bác sĩ, GV, họa sĩ, cầu thủ,...). - Phiếu học tập hướng dẫn kể ước mơ theo cấu trúc 3 phần. - Rubric tự đánh giá kỹ năng nói và nghe.

Bước 2. Xây dựng kho học liệu

Thực hiện với các hoạt động cơ bản:



Hình 2. Video minh họa “Em kể về ước mơ trở thành bác sĩ”.

Sưu tầm học liệu: Tìm kiếm các video ngắn về HS chia sẻ ước mơ, hoặc các CT truyền cảm hứng (ví dụ: “Ước mơ Việt”, “Điều ước thứ 7” trên VTV). Các video cần được chọn lọc để phù hợp lứa tuổi, ngôn ngữ, cảm xúc tích cực. Hình ảnh được sưu tầm từ kho Canva, Freepik, Pixabay, gồm các tranh vẽ dễ thương về nghề nghiệp tương lai. Ví dụ Video minh họa “Em kể về ước mơ trở thành bác sĩ” (hình 2).



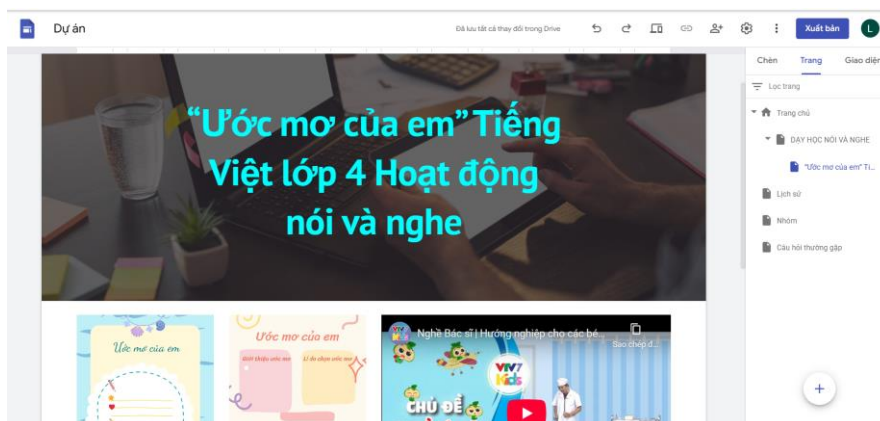
Hình 3. Phiếu học tập “Ước mơ của em”.

Biên tập và thiết kế: Dùng Canva để thiết kế Phiếu học tập Nói và nghe với 3 phần: i) Giới thiệu ước mơ; ii) Lý do chọn ước mơ; iii) Việc cần làm để đạt được ước mơ (hình 3a). Các phần cũng có thể được chú thích bằng biểu tượng minh họa/logo để HS làm quen thường xuyên với ký hiệu, các quy ước. Chẳng hạn như: ★ ước mơ, ♥ lý do, ➡ hành động (hình 3b).

Dùng CapCut để biên tập video minh họa: thêm nhạc nền nhẹ, phụ đề lớn, phần cuối có câu châm ngôn tạo hứng thú, động lực: “Hãy theo đuổi ước mơ của mình!”. Học liệu có thể được lưu dạng PDF, MP4 trong thư mục “Ước mơ của em – Nói và nghe lớp 4”.

Bước 3. Sắp xếp và lưu trữ học liệu trên nền tảng số

Học liệu được phân loại thành 4 thư mục chính: (1) Video minh họa, (2) Hình ảnh gợi ý, (3) Phiếu học tập, (4) Hoạt động tương tác trực tuyến. GV tích hợp các học liệu này lên trang Google Sites 'Tiếng Việt 4 – Nói và nghe' để HS có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ về tích hợp học liệu lên trang Google Sites (hình 4).



Hình 4. Tích hợp học liệu lên trang Google Sites.

Bước 4. Thử nghiệm

Tiến hành thử nghiệm bài học với hai nhóm HS lớp 4: nhóm sử dụng học liệu đa phương tiện và nhóm học theo phương pháp truyền thống. Sau tiết học, GV phát phiếu khảo sát và phỏng vấn nhanh để thu thập phản hồi.

Bước 5. Chỉnh sửa và hoàn thiện học liệu

Từ phản hồi thu được, GV điều chỉnh video ngắn gọn hơn, tăng phụ đề lớn và nhạc nền nhẹ nhàng, bổ sung biểu tượng cảm xúc trên phiếu học tập, thiết kế rubric 4 tiêu chí: nội dung, giọng nói, ngôn ngữ cơ thể, khả năng tương tác; mở rộng kho học liệu với thêm các chủ đề “Ước mơ của bạn nhỏ vùng cao” hoặc “Ước mơ của em vì cộng đồng”.

Biện pháp 2: Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực để nâng cao hiệu quả giao tiếp đa phương thức

Mục đích: Việc áp dụng các kỹ thuật DH tích cực trong hoạt động nói và nghe nhằm đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức DH theo định hướng phát triển năng lực, lấy HS làm trung tâm.

Thông qua các kỹ thuật như Khăn trải bàn, Mảnh ghép, Phòng tranh, Bàn đồ tư duy, Đóng vai..., HS được tạo điều kiện trải nghiệm, tương tác và thể hiện bản thân trong các tình huống giao tiếp gần gũi với thực tiễn, qua đó hình thành và phát triển NLGT đa phương thức. Ở bình diện sư phạm, việc vận dụng các kỹ

thuật DH tích cực giúp biến quá trình DH nói và nghe thành quá trình trải nghiệm, khám phá và kiến tạo tri thức. HS không còn tiếp nhận thụ động mà trở thành chủ thể giao tiếp tích cực, biết huy động đồng thời các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (lời nói, hình ảnh, âm thanh, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ...) để diễn đạt ý tưởng. Đồng thời, biện pháp này góp phần tăng cường tương tác giữa HS với HS, giữa HS với GV và học liệu, hình thành môi trường giao tiếp cởi mở, thân thiện. Việc áp dụng kỹ thuật DH tích cực trong tổ chức nói và nghe hướng tới các mục tiêu cụ thể:

- Phát triển khả năng biểu đạt đa phương thức, kết hợp linh hoạt ngôn ngữ nói với các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực, phản hồi phù hợp và có văn hóa trong giao tiếp.
- Khơi gợi tư duy sáng tạo, nâng cao tính biểu cảm và sức thuyết phục của lời nói.
- Tăng cường cơ hội thực hành nói và nghe trong các bối cảnh giao tiếp đa dạng của đời sống học đường.

Quy trình áp dụng kỹ thuật DH tích cực:

Bước 1. Xác định mục tiêu NLGT cần hình thành

Đây là bước nền tảng, định hướng toàn bộ hoạt động DH. GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt của CT môn Tiếng Việt 2018 để xác định cụ thể khía cạnh của NLGT đa phương thức mà bài học hướng tới: năng lực nghe hiểu thông điệp, năng lực nói biểu cảm, năng lực tương tác, hoặc năng lực sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong trình bày.

Bước 2. Lựa chọn kỹ thuật DH phù hợp

Sau khi đã xác định mục tiêu năng lực, GV cần lựa chọn kỹ thuật DH phù hợp với đặc điểm nội dung, tâm lý lứa tuổi và điều kiện lớp học. Theo đó, với các bài học nói và nghe trong môn Tiếng Việt lớp 4 và 5, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, có thể đề xuất một số kỹ thuật tiêu biểu sau:

- Kỹ thuật Mảnh ghép: Hỗ trợ HS phát triển năng lực nghe hiểu và tái diễn đạt thông tin, đặc biệt hiệu quả trong các chủ đề *thuyết trình hoặc kể chuyện nói tiếp (kể chuyện đã nghe, đã đọc ở lớp 4)*.
- Kỹ thuật Phòng tranh: Khuyến khích HS thể hiện thông điệp bằng hình ảnh và lời nói; qua đó rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ kết hợp với yếu tố trực quan. Kỹ thuật này phù hợp với kiểu bài *thuyết minh, giới thiệu về một địa điểm vui chơi, một di tích văn hóa, lịch sử trong môn Tiếng Việt lớp 5*.
- Kỹ thuật Đóng vai: Giúp HS nhập vai trong các tình huống giao tiếp cụ thể, phát triển ngữ điệu, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ và khả năng ứng xử ngôn ngữ. Trong môn Tiếng Việt lớp 4 và 5, kỹ thuật này *phù hợp với hầu hết các kiểu bài* nếu nhà sư phạm cài đặt các tình huống giao tiếp sinh động.
- Kỹ thuật Bản đồ/Sơ đồ tư duy: Hỗ trợ HS hình thành dàn ý nói và nghe, trình bày mạch lạc, logic và sinh động, đồng thời kích thích tư duy hình ảnh. Kỹ thuật này khá lý tưởng nếu chọn đề tổ chức các bài *thuyết minh, giới thiệu, kể chuyện được tham gia...*

Bước 3. Thiết kế chuỗi hoạt động nói và nghe theo kỹ thuật đã chọn

GV thiết kế các hoạt động học tập theo chu trình trải nghiệm – khám phá – phản hồi – vận dụng nhằm đảm bảo tính kế thừa và tính mở:

- Hoạt động khởi động: Gợi mở chủ đề bằng video, hình ảnh, âm thanh hoặc câu hỏi tình huống để tạo hứng thú.
- Hoạt động khám phá, phản hồi: HS tham gia trao đổi, thảo luận, chia sẻ ý kiến theo kỹ thuật được chọn (ví dụ: cùng hoàn thiện tấm “khăn trải bàn” hoặc “phòng tranh”). HS thể hiện sản phẩm giao tiếp của nhóm hoặc cá nhân bằng lời nói kết hợp hình ảnh, biểu cảm, cử chỉ. Đây là giai đoạn trọng tâm phát triển NLGT đa phương thức. Các nhóm còn lại đặt câu hỏi, nhận xét hoặc phản hồi, thể hiện khả năng lắng nghe tích cực và ứng xử ngôn ngữ phù hợp.
- Hoạt động vận dụng: GV cùng HS rút kinh nghiệm, nhấn mạnh điểm mạnh và gợi ý cách cải thiện NLGT trong các tình huống tương tự.

Bước 4. Tổ chức và hướng dẫn HS thực hiện

GV đóng vai trò là người tổ chức, định hướng và khơi gợi; HS là chủ thể thực hành giao tiếp. Trong quá trình triển khai, GV khuyến khích HS sử dụng giọng điệu tự nhiên, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung; vận dụng ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nụ cười, cử chỉ tay, tư thế) để hỗ trợ cho lời nói; tương tác đa chiều, ghi chép, đặt câu hỏi và phản hồi lịch sự, sáng tạo.

GV cần quan sát, điều chỉnh tiến trình phù hợp với nhịp độ HS, đồng thời sử dụng phiếu quan sát hoặc rubric đánh giá để thu thập dữ liệu định tính, làm cơ sở đánh giá năng lực sau tiết học.

Bước 5. Đánh giá và rút kinh nghiệm

Chúng tôi thiết kế 01 kế hoạch bài dạy minh họa (cụ thể hoá ở mục Các hoạt động dạy - học chủ yếu).

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA

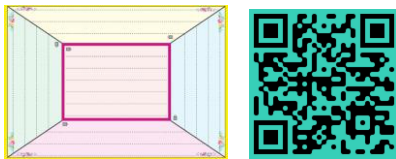
Môn: Tiếng Việt – Hoạt động Nói và nghe

Bài: Những tấm gương sáng

Môn: Tiếng Việt 4 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

Thời lượng: 01 tiết (35 phút)

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động	Mục tiêu cụ thể	Nội dung – Cách thức tổ chức	Vai trò của GV	Hoạt động của HS và kết quả mong đợi																									
1. Khởi động (5')	Tạo hứng thú, khơi gợi chủ đề	Chiếu video “Nguyễn Ngọc Ký tấm gương vượt qua nghịch cảnh”. GV hỏi: Em cảm nhận thế nào về những việc làm của nhân vật trong video?	Dẫn dắt, gợi mở	HS xem video, chia sẻ cảm xúc																									
																													
2. Hình thành nhiệm vụ (5')	Xác định yêu cầu nói và nghe	Nêu nhiệm vụ: Kể về tấm gương sáng quanh em; giới thiệu rubric đánh giá.	Giải thích, minh họa	HS hiểu yêu cầu, chuẩn bị nội dung																									
3. Hoạt động nhóm (10')	Luyện tập kể chuyện, hợp tác	Dựa vào học liệu số đã được xem để thảo luận nhóm. Kỹ thuật khăn trải bàn: nhóm ghi 3 tấm gương sáng, chọn 1 câu chuyện tiêu biểu.	Hướng dẫn, theo dõi	HS trao đổi, chọn câu chuyện, luyện nói																									
																													
		(Mã QR học liệu số)																											
4. Trình bày (10')	Phát triển giao tiếp đa phương thức	Kỹ thuật phòng tranh: HS trưng bày hình ảnh, kể chuyện kết hợp cử chỉ, nét mặt, giọng nói.	Khuyến khích, nhận xét	HS kể chuyện sinh động, bạn nghe – phản hồi																									
5. Đánh giá – củng cố (5')	Tự đánh giá, khắc sâu ý nghĩa	GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo rubric, liên hệ ý nghĩa bài học.	Tổng kết, phản hồi	HS nêu cảm nghĩ, rút bài học về việc noi gương người tốt																									
		PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI – NGHE Họ và tên: Bài nói/nghe: Lớp: Ngày thực hiện: / / Em hãy đánh dấu (✓) vào mức độ phù hợp nhất với phần thể hiện của em: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tiêu chí</th><th>Mức 1 Chưa đạt</th><th>Mức 2 Đạt yêu cầu</th><th>Mức 3 Khả</th><th>Mức 4 Tốt</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Nội dung trình bày</td><td>☐ Kể chưa đúng đề tài</td><td>☐ Kể đúng chủ đề nhưng còn sơ sài</td><td>☐ Nội dung rõ ràng, có cảm xúc</td><td>☐ Sinh động, cảm xúc chân thật</td></tr> <tr> <td>2. Giọng nói, ngữ điệu</td><td>☐ Giọng nhỏ, đều</td><td>☐ Rõ nhưng thiếu cảm xúc</td><td>☐ Ngắt nghỉ hợp lí, thể hiện cảm xúc</td><td>☐ Truyền cảm, biểu cảm, tự nhiên</td></tr> <tr> <td>3. Ngôn ngữ cơ thể</td><td>☐ Chưa dùng ánh mắt, cử chỉ, nét mặt</td><td>☐ Còn gượng gạo</td><td>☐ Phù hợp, làm rõ nội dung</td><td>☐ Linh hoạt, tự nhiên, tạo thiện cảm</td></tr> <tr> <td>4. Kĩ năng nghe – phản hồi</td><td>☐ Không tập trung, không phản hồi</td><td>☐ Phản hồi đơn giản</td><td>☐ Lắng nghe chăm chú, đặt câu hỏi</td><td>☐ Phản hồi sáng tạo, khích lệ bạn</td></tr> </tbody> </table> Tự nhận xét của em: Mục tiêu lần sau của em: ☐ Nói to, rõ hơn ☐ Biểu cảm hơn ☐ Sử dụng ánh mắt, cử chỉ tốt hơn ☐ Lắng nghe và phản hồi bạn tốt hơn	Tiêu chí	Mức 1 Chưa đạt	Mức 2 Đạt yêu cầu	Mức 3 Khả	Mức 4 Tốt	1. Nội dung trình bày	☐ Kể chưa đúng đề tài	☐ Kể đúng chủ đề nhưng còn sơ sài	☐ Nội dung rõ ràng, có cảm xúc	☐ Sinh động, cảm xúc chân thật	2. Giọng nói, ngữ điệu	☐ Giọng nhỏ, đều	☐ Rõ nhưng thiếu cảm xúc	☐ Ngắt nghỉ hợp lí, thể hiện cảm xúc	☐ Truyền cảm, biểu cảm, tự nhiên	3. Ngôn ngữ cơ thể	☐ Chưa dùng ánh mắt, cử chỉ, nét mặt	☐ Còn gượng gạo	☐ Phù hợp, làm rõ nội dung	☐ Linh hoạt, tự nhiên, tạo thiện cảm	4. Kĩ năng nghe – phản hồi	☐ Không tập trung, không phản hồi	☐ Phản hồi đơn giản	☐ Lắng nghe chăm chú, đặt câu hỏi	☐ Phản hồi sáng tạo, khích lệ bạn		
Tiêu chí	Mức 1 Chưa đạt	Mức 2 Đạt yêu cầu	Mức 3 Khả	Mức 4 Tốt																									
1. Nội dung trình bày	☐ Kể chưa đúng đề tài	☐ Kể đúng chủ đề nhưng còn sơ sài	☐ Nội dung rõ ràng, có cảm xúc	☐ Sinh động, cảm xúc chân thật																									
2. Giọng nói, ngữ điệu	☐ Giọng nhỏ, đều	☐ Rõ nhưng thiếu cảm xúc	☐ Ngắt nghỉ hợp lí, thể hiện cảm xúc	☐ Truyền cảm, biểu cảm, tự nhiên																									
3. Ngôn ngữ cơ thể	☐ Chưa dùng ánh mắt, cử chỉ, nét mặt	☐ Còn gượng gạo	☐ Phù hợp, làm rõ nội dung	☐ Linh hoạt, tự nhiên, tạo thiện cảm																									
4. Kĩ năng nghe – phản hồi	☐ Không tập trung, không phản hồi	☐ Phản hồi đơn giản	☐ Lắng nghe chăm chú, đặt câu hỏi	☐ Phản hồi sáng tạo, khích lệ bạn																									

3. KẾT LUẬN

Phát triển NLGT đa phương thức cho HS lớp 4 và lớp 5 thông qua hoạt động nói và nghe là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới GD theo định hướng phát triển năng lực và chuyển đổi số hiện nay. Nghiên cứu cho thấy hoạt động nói và nghe trong môn Tiếng Việt không chỉ giữ vai trò rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ cơ bản mà còn là môi trường thuận lợi để tích hợp và phát huy các phương thức giao tiếp đa dạng như hình

ảnh, âm thanh, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ hiện đại. Việc phân tích nội dung SGK Tiếng Việt lớp 4 và 5 cho thấy các bài học đã tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành NLGT đa phương thức, song hiệu quả thực tiễn phụ thuộc lớn vào cách tổ chức DH của GV. Hệ thống biện pháp được đề xuất trong bài viết, bao gồm xây dựng học liệu trực quan – đa phương tiện và vận dụng các kỹ thuật DH tích cực, góp phần cụ thể hóa yêu cầu của chương trình, đồng thời phát huy vai trò chủ thể của HS trong quá trình học tập. Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận trong việc làm rõ khái niệm và cấu trúc NLGT đa phương thức ở tiểu học mà còn có giá trị thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng DH nói và nghe, hướng tới hình thành những HS có NLGT hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- Bùi, M. H., Trần, T. H. L., Lê, T. L. A., Đỗ, H. D., Nguyễn, L. H., Trịnh, C. L., Vũ, T. T. H., Vũ, T. L., Trần, K. P., & Đặng, T. H. T. (2023). *Tiếng Việt 4 (Tập 1–2)*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1–47. <https://doi.org/10.1093/applin/i.1.1>
- Celce-Murcia, M., Dörnyei, Z., & Thurrell, S. (1995). Communicative competence: A pedagogically motivated model with content specifications. *Issues in Applied Linguistics*, 6(2), 5–35. <https://doi.org/10.5070/L462005216>

Developing multimodal communication competence for grade 4 and 5 students through speaking and listening activities in Vietnam Language education

Le Trung Vi

*Le Kim Lang Primary School, Hoa Xuan Ward, Da Nang City;
Postgraduate students specializing in Education (Primary Education),
Course 32 at University of Education, Hue University*

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 21 October 2025

Received in revised form: 24 December 2025

Accepted: 28 December 2025

Published: 20 August 2026

Keywords:

Multimodal communication competence;

Speaking and listening;

Vietnamese language education;

Grade 4 and 5 students;

Competency development.

Corresponding author:

Le Trung Vi

E-mail address:

lebin3301@gmail.com

ABSTRACT

This paper examines the development of multimodal communication competence for Grade 4 and Grade 5 students through speaking and listening activities in Vietnamese language education, in accordance with the 2018 General Education Curriculum of Vietnam. Drawing on theoretical frameworks of communicative competence and multimodal communication, the study highlights the central role of speaking and listening as integrative activities that combine multiple modes of meaning-making, including spoken language, images, sounds, gestures, and supportive media. Through an analysis of the learning objectives and the content of speaking and listening activities in the Grade 4 and Grade 5 Vietnamese textbooks (*Kết nối tri thức với cuộc sống* series), the study identifies significant potential for fostering students' multimodal communication competence. On this basis, the paper proposes several pedagogical measures to enhance the effectiveness of speaking and listening instruction within a competency-based approach, thereby contributing to the improvement of Vietnamese language teaching at the primary level in contemporary educational contexts.